

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **61/2019/DS-ST**
Ngày 27-9-2019
V/v tranh chấp hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Quốc Thống.

Ông Nguyễn Hải Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lụa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp hội theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2019/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hồ Thị T, sinh năm 1984 (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn N, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp 3, xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03-6-2019 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hồ Thị T trình bày: Quá trình chị T làm chủ hội, anh Phạm Văn N có tham gia 02 dây hội, sau khi hết không đóng lại hội chết hàng tháng. Ngày 19-3-2019, chị T khởi kiện yêu cầu anh N thanh toán một phần nghĩa vụ đối với 02 dây hội nêu trên. Nay chị T yêu cầu anh N tiếp tục thanh toán đến tháng 4-2019 với tổng số tiền 20.000.000 đồng. Cụ thể:

- Dây hội thứ nhất: Mở ngày 09-02-2018 ăl, loại hội 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 kỳ, có 15 phần, anh N tham gia 02 phần, hội mãn vào tháng 4-2019 ăl. Từ tháng 3-2019 đến tháng 4-2019 ăl, anh N còn nợ lại: 02 kỳ x 2.000.000 đồng x 02 phần = 8.000.000 đồng.

- Dây hội thứ hai: Mở ngày 25-9-2018 ăl, loại hội 2.000.000 đồng, mỗi

tháng khui 01 kỳ, có 15 phần, anh N tham gia 02 phần. Sau khi hốt hui, anh N đóng đến hết tháng 01-2019 ăl thì ngưng, số tiền còn nợ lại từ tháng 02-2019 ăl đến tháng 4-2019 ăl là: 03 kỳ x 2.000.000 đồng x 02 phần = 12.000.000 đồng.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định pháp luật nhưng anh Phạm Văn N không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phạm Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về quan hệ pháp luật: Giao dịch dân sự giữa chị Hồ Thị T với anh Phạm Văn N được xác định tại thời điểm thực hiện là hợp đồng hui theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự.

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh N nhưng vẫn vắng mặt và không có văn bản phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên xem như bị đơn từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa và cố tình trốn tránh nghĩa vụ thanh toán nợ. Ngày 19-3-2019, chị T khởi kiện yêu cầu anh N thanh toán khoản nợ hui và tại phiên hòa giải ngày 16-4-2019 anh N thừa nhận khoản nợ của 02 dây hui nêu trên và thỏa thuận nghĩa vụ thanh toán nợ. Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 22/2019/QĐST-DS ngày 24-4-2019 của Tòa án nhân dân huyện U Minh đã công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Như vậy, quá trình chị T làm chủ hui anh N có tham gia giao dịch, số phần tham gia vào các dây hui nêu trên là thực tế có xảy ra. Sau khi Tòa án giải quyết theo đơn khởi kiện của chị T ngày 19-3-2019, anh N tiếp tục vi phạm nghĩa vụ đóng lại hui chết của 02 dây hui nêu trên, cụ thể: Đối với dây hui mở ngày 09-02-2018 ăl, chị T đã yêu cầu Tòa án giải quyết đến hết tháng 02-2019 ăl; dây hui mở ngày 25-9-2018 ăl, đã giải quyết đến hết tháng 01-2019 ăl. Tính đến tháng 4-2019 ăl, anh N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên chị T yêu cầu với tổng số tiền 20.000.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ của dây hui mở ngày 09-02-2018 ăl, hiện nay đã mãn. Đối với dây hui mở ngày 25-9-2018 ăl hiện chưa mãn, nguyên đơn chỉ yêu cầu phía bị đơn thanh toán từ tháng 02-2019 ăl đến tháng 4-2019 ăl là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận. Vì trong khoảng thời gian này chị T phải bỏ tiền ra đóng cho các hui viên để tiếp tục duy trì giao dịch hui. Đối với khoản nợ hui phải thanh toán phát sinh từ dây hui mở ngày 25-9-2019 ăl kể từ tháng 5-2019 ăl, nếu anh

N không thực hiện nghĩa vụ thì chị T có quyền khởi kiện thành vụ án khác theo quy định pháp luật.

[5] Như đã phân tích, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị T. Buộc anh Phạm Văn N có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền hui còn nợ lại của 02 dây hui nêu trên tính đến hết tháng 4-2019 là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án, anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% tương ứng với số tiền theo yêu cầu của chị T được Tòa án chấp nhận. Cụ thể: 20.000.000 đồng x 5% = 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

[7] Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên chị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, đã dự nộp được hoàn trả lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị T. Buộc anh Phạm Văn N có nghĩa vụ trả cho chị Hồ Thị T số tiền nợ hui là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Đối với khoản tiền phải thanh toán. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), chưa nộp.

Hoàn trả cho chị Hồ Thị T số tiền tạm ứng án phí dân sự 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0004411 ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Hồ Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Văn N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Dương Minh Út